TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **380**/2025/DS-ST
- Ngày 22 tháng 12 năm 2025
- V/v*: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thu Hảo**
2. Ông **Võ Thành Dương**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phạm Hùng Mạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 629/2025/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 506/2025/QĐST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên *đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1945 (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố GC , phường GC, tỉnh ĐTh

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Ch**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Anh **Trần Châu T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 11, phường G C, tỉnh Đ Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Anh Trần Châu T là con ruột bà Phạm Thị Ch. Năm 2020, anh T và bà Ch có tham gia chơi hụi do bà làm thảo hụi đến năm 2023 hụi mãn, anh T còn nợ lại bà số tiền 5.000.000 đồng, bà Ch còn nợ lại bà số tiền 188.500.000 đồng. Đồng thời năm 2022, bà Ch có vay và nợ bà số tiền 205.000.000 đồng, tổng cộng bà Ch nợ bà tiền hụi và tiền vay là 393.500.000 đồng. Do hụi đã mãn và tiền vay bà Ch

không trả tiền lãi nên bà yêu cầu bà Ch trả cho bà số tiền 393.500.000 đồng, yêu cầu anh T trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Phạm Thị Ch trình bày*:

Do thời gian đã lâu bà không nhớ, bà có vay của bà N nhiều lần và nợ tiền hụi của bà N tổng cộng là 393.500.000 đồng. Con bà là anh Trần Châu T có nợ bà N số tiền hụi là 5.000.000 đồng, hụi đã mãn nhưng mẹ con bà không có tiền trả cho bà N. Bà đồng ý trả thay cho con bà số tiền 5.000.000 đồng. Nay do lớn tuổi không làm ra tiền nên bà xin thời gian khi bán nhà được bà sẽ trả tiền cho bà N.

* Bị đơn anh Trần Châu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và bà Phạm Thị Ch, anh Trần Châu T là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Anh Trần Châu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Bà Phạm Thị Ch thừa nhận có vay và nợ tiền hụi của bà Nguyễn Thị N số tiền 393.500.000 đồng. Bà Ch còn thừa nhận anh Trần Châu T là con bà nợ bà N số tiền hụi là 5.000.000 đồng. Bà N có cung cấp 01 biên nhận có chữ ký tên bà Phạm Thị Ch và anh Trần Châu T.

Bị đơn anh Trần Châu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh

không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Phạm Thị Ch còn nợ bà N số tiền 393.500.000 đồng, anh Trần Châu T còn nợ bà N số tiền 5.000.000 đồng nên bà Ch và anh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N là có căn cứ. Bà Nói không đồng ý cho bà Ch trả thay cho anh T số tiền 5.000.000 đồng, xét thấy nợ của anh T nên anh T có nghĩa vụ trả cho bà N là có căn cứ.

[2.2] *Về thời gian trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Hụi đã mãn nhưng bà Ch và anh T vẫn chưa trả tiền cho bà N, về tiền vay do bà Ch không trả tiền lãi cho bà Nói, bà Nói nhiều lần yêu cầu bà Ch và anh Ttrả tiền nhưng không trả, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên cần buộc bà Ch trả cho bà Nói số tiền 393.500.000 đồng, anh Trần Châu T trả cho bà N số tiền 5.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí*:

- Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do bà Nói là người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí nên không hoàn tạm ứng án phí.

- Bà Phạm Thị Ch có nghĩa vụ trả tiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng bà có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí cho bà Châu.

- Anh Trần Châu T có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Phạm Thị Ch có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền hụi và tiền vay còn nợ là 393.500.000 đồng (*Ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc anh Trần Châu T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Châu T chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Miễn án phí cho bà Phạm Thị Ch.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 8 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đ Th;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đ Th;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Liễu